

Số: 148/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phương án xử lý nguồn kinh phí còn lại năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**  
**KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện thu chi ngân sách, phương án xử lý nguồn kinh phí còn lại năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua nhiệm vụ và giải pháp thực hiện dự toán ngân sách cuối năm 2022. Cụ thể như sau:

**1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

- Phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao; Cập nhật thường xuyên tiến độ thu ngân sách trên địa bàn từng xã, cấp huyện, cấp tỉnh để có giải pháp điều hành phù hợp, không để hụt thu ngân sách ảnh hưởng đến cân đối chi, nhất là chi chế độ chính sách an sinh xã hội, chi lương. Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo, rà soát và đánh giá kịp thời những yếu tố tác động làm ảnh hưởng tăng, giảm đến nguồn thu trên địa bàn;

- Cơ quan thuế, Hải quan tăng cường công tác quản lý thu, nắm chắc nguồn thu; Đẩy mạnh chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế. Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế; đôn đốc thu kịp thời các khoản thu theo kiến nghị, kết luận của các cơ quan kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật;

- Rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

## 2. Về chi ngân sách địa phương:

Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

a) Đối với chi đầu tư: Chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án để giải ngân vốn đầu tư công; xem xét đánh giá khả năng thanh toán, đề xuất điều chuyển vốn sang dự án có khối lượng hoàn thành lớn còn thiếu vốn, hạn chế tối đa chi chuyển nguồn. Báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất phương án xử lý đối với những trường hợp vướng mắc gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phương án xử lý;

### b) Đối với chi thường xuyên:

- Quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên chặt chẽ theo đúng dự toán được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, phân cấp quản lý ngân sách;

- Các ngành, đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát các nhiệm vụ được bố trí kinh phí trong năm 2022 mà không thực hiện, nhu cầu bổ sung kinh phí gửi Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 11 năm 2022 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phương án thu hồi, bổ sung kinh phí cuối năm. Các ngành, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc để còn dư nguồn kinh phí lớn mà không tổng hợp báo cáo.

**Điều 2.** Nhất trí với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án xử lý nguồn kinh phí còn lại năm 2022 tại Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh nguồn kinh phí chi tổ chức Seagame 31 của Thành phố Từ Sơn và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số tiền 0,782 tỷ đồng (Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm).

2. Điều chỉnh nguồn kinh phí bố trí trong dự toán chi nhiệm vụ chung năm 2022 số tiền: 162,5 tỷ đồng (Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm);

3. Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ chính sách, đề án, hoàn trả nguồn cải cách tiền lương và quỹ dự trữ tài chính theo kiến nghị của kiểm toán đến ngày 15 tháng 9 năm 2022 số tiền 298,6 tỷ đồng.

Nguồn kinh phí: Nguồn điều chỉnh 162,5 tỷ đồng; Nguồn chi nhiệm vụ chung 132,8 tỷ đồng; nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh 3,2 tỷ đồng (Chi tiết theo phụ lục 04, 05 đính kèm)

4. Thu hồi về nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh kinh phí còn dư, chưa phân bổ, nhiệm vụ không triển khai số tiền 1.946,1 tỷ đồng, gồm:

a) Nguồn kinh phí chi nhiệm vụ chung trong dự toán 2022: 1.011,6 tỷ đồng;

b) Nguồn tiết kiệm cho năm 2021 bố trí chi đầu tư theo các chính sách của tỉnh: 200 tỷ đồng

c) Kinh phí ngân sách trung ương thường vượt thu cho tỉnh Bắc Ninh năm 2021 số tiền 110 tỷ đồng.

d) Nguồn thu chuyên giao cấp dưới nộp trả ngân sách tỉnh năm 2022, số tiền: 494,5 tỷ đồng.

e) Nguồn kinh phí bố trí thanh toán dự án được phê duyệt quyết toán cấp tỉnh số tiền: 130 tỷ đồng

5. Phê duyệt phương án sử dụng nguồn tiết kiệm chi năm 2022 như sau:


Bổ sung vốn đầu tư phân bổ theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 số tiền 1.946,1 tỷ đồng.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Báo cáo kết quả tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Các bộ: TC, KH&ĐT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng CTHĐND, lưu VT. 



**Nguyễn Quốc Chung**



Phụ lục 01

**Tổng hợp kinh phí chi nhiệm vụ chung năm 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng DT 2021	Đã phân bổ và điều chỉnh đến 30/9/2022	Đề nghị tiếp tục điều chỉnh	Bổ sung cho các đơn vị	Dự kiến tiếp tục sử dụng đến hết năm 2022	Thu hồi
	<b>Tổng</b>	<b>2.537.665</b>	<b>703.056</b>	<b>162.554</b>	<b>132.834</b>	<b>527.579</b>	<b>1.011.643</b>
1	Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân	16.071	16.071			0	
2	Kinh phí thực hiện chính sách thu hút nhân tài	1.000	50		45	905	
3	Kinh phí tổ chức đào tạo cán bộ, công chức	5.000	3.151			1.849	
4	Kinh phí chi cho công tác quy hoạch	27.000	0	15.778		11.222	
5	Kinh phí thực hiện các hoạt động khuyến công, tiết kiệm năng lượng và công nghiệp hỗ trợ	7.265	0			7.265	
6	Kinh phí tổ chức kỷ niệm 75 năm ngày thương binh liệt sĩ	2.100	2.099			1	
7	Kinh phí tổ chức cuộc thi Người đẹp Kinh Bắc	5.000	5.000			0	
8	Kinh phí chống xuống cấp di tích	50.000	50.000			0	
9	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 về hỗ trợ học phí học nghề	28.000	27.999			1	
10	Kinh phí thực hiện dự án ứng dụng công nghệ thông tin	300.000	0			20.000	280.000
11	Kinh phí thực hiện kế hoạch số 640/KH-UB ngày 30 tháng 9 năm 2021 về kế hoạch thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	371	371			0	
12	học	40.500	40.500			0	
13	Kinh phí thực hiện các đề án, chương trình giáo dục	771.770	0			59.970	711.800
14	Kinh phí chi trả hợp đồng giáo viên trong chi tiêu biên chế	100.000	0		86.862	13.138	
15	Kinh phí phòng chống dịch	300.000	116.113			183.887	
16	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh - Kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh	40.000	25.000			15.000	
17	Hỗ trợ lãi suất dự án nước sạch	7.760	2.150			5.610	
18	Kinh phí thưởng các đơn vị đạt tiêu chí nông thôn mới	5.000	0			5.000	
19	Kinh phí đối ứng các dự án, đề án, nhiệm vụ an ninh, quốc phòng	30.000	5.467		5.513	4.020	15.000
20	Kinh phí chi hỗ trợ đầu tư dự án nước sạch	43.420	35.320			8.100	
21	Kinh phí diễn tập phòng thủ cấp huyện	6.000	6.000			0	
22	Kinh phí diễn tập phòng chống lụt bão cấp huyện	3.000	3.000			0	
23	Kinh phí thực hiện công tác bảo vệ ngày lễ lớn	10.000	1.344		188	8.468	
25	Kinh phí tổ chức hội chợ với chủ đề "người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	360	360			0	
26	Kinh phí thuê đường truyền mạng của các cơ quan nhà nước	4.000	1.996			2.004	
27	Kinh phí tổ chức chương trình kích cầu du lịch Bắc Ninh 2022	2.600	2.600			0	
28	Kinh phí thực hiện chương trình cho vay, hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại	30.000	0			30.000	
29	Hỗ trợ lãi suất doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn	30.000	7.636	20.000		2.364	
30	Cấp vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội cho vay phụ nữ và thanh niên khởi nghiệp	20.000	20.000			0	
31	Kinh phí thực hiện đề án tổng thể môi trường tỉnh Bắc Ninh	111.126	1.479	99.051		5.753	4.843
32	Kinh phí hỗ trợ giáo dục ngoài công lập	20.000	0	15.000		5.000	
33	Chi hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	110.000	106.540			3.460	
35	Kinh phí hỗ trợ đặc thù theo Nghị quyết số 25/NQ-BTV	70.000	40.000		30.000	0	

*Handwritten signature or mark.*

TT	Tên đơn vị	Tổng DT 2021	Đã phân bổ và điều chỉnh đến 30/9/2022	Đề nghị tiếp tục điều chỉnh	Bổ sung cho các đơn vị	Dự kiến tiếp tục sử dụng đến hết năm 2022	Thu hồi
36	Kinh phí tổ chức kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh, festival về miền quan họ	34.000	18.418	12.725		2.857	
37	Kinh phí tổ chức Seagame 31	4.400	979			3.421	
38	Hỗ trợ nhà ở người có công; người nghèo	45.000	15.639			29.361	
39	Sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm tài sản	60.226	11.528		10.226	38.472	
40	Thay mới trạm quan trắc online	8.000	8.000			0	
41	Kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đê	75.000	75.000			0	
42	Mua sắm trang thiết bị phục vụ chuẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật trên cạn và thủy sản đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới	20.000	0			20.000	
43	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	93.696	53.245			40.451	

Ph



Phụ lục 02

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng	NSTWBS	Quốc phòng	SNVH
<b>I</b>	<b>Nguồn trước khi điều chỉnh</b>	<b>781,8</b>	<b>533,0</b>	<b>0</b>	<b>248,8</b>
1	Thành phố Từ Sơn	533	533		
-	Kinh phí đảm bảo trật tự, an ninh, an toàn để tổ chức Seagame 31	445	445		
-	Kinh phí tuyên truyền cổ động Seagame 31	88	88		
2	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	248,8	0	0	248,8
-	Kinh phí thanh toán chế độ cho 60 tình nguyện viên môn boxing và 1 số nhiệm vụ Lễ tân - Khánh tiết của tiểu ban lễ tân, khánh tiết giải boxing, phục vụ SEA games 31 tại Bắc Ninh.	248,8			248,8
<b>II</b>	<b>Nguồn sau khi điều chỉnh</b>	<b>781,8</b>	<b>248,8</b>	<b>445</b>	<b>88</b>
1	Thành phố Từ Sơn	533	0	445	88
-	Kinh phí đảm bảo trật tự, an ninh, an toàn để tổ chức Seagame 31	445		445	
-	Kinh phí tuyên truyền cổ động Seagame 31	88			88
2	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	248,8	248,8		
-	Kinh phí thanh toán chế độ cho 60 tình nguyện viên môn boxing và 1 số nhiệm vụ Lễ tân - Khánh tiết của tiểu ban lễ tân, khánh tiết giải boxing, phục vụ SEA games 31 tại Bắc Ninh.	248,8	248,8		

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NHIỆM VỤ CHUNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 27 tháng 1 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng	Chi quốc phòng	An Ninh	GD-ĐT	VHTT	PTTH	BĐXH	SN kinh tế	Môi trường	Hành chính	Chi khác NS	CCTL	Quỹ Dự trữ tài chính
<b>I</b>	<b>Điều chỉnh</b>													
1	Điều chỉnh đi													
-	Các nhiệm vụ chung đã bố trí trong dự toán năm 2022	162.554	1.000	1.000	15.000	8.225			35.778	99.051	2.500			
2	Điều chỉnh đến													
-	Thực hiện một số chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh	162.554		56.896		3.730	49	1.286	11.579		12.789	12.725	31.500	32.000

2/2



Phụ lục 04

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ**

(Kèm theo Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Đơn vị/Nội dung	Số tiền	Nguồn KP	Ghi chú
	<b>TỔNG</b>	<b>298.565.018</b>		
<b>A</b>	<b>Đơn vị khối tính</b>	<b>47.081.470</b>		
<b>I</b>	<b>Nguồn chi nhiệm vụ chung đầu năm</b>	<b>18.578.696</b>		
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	402.924	Quốc phòng	Nhiệm vụ chung
-	Kinh phí rà phá bom mìn và bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ Seagame 31	188.000	Quốc phòng	Nhiệm vụ chung
-	Chi trả phụ cấp cho lực lượng DQTV, công an theo kết quả KTNN số 68/TB-KTNN ngày 16/8/2022	75.600	Quốc phòng	Nhiệm vụ chung
-	Kinh phí mua 2 xe ô tô còn thiếu	139.324	Quốc phòng	Nhiệm vụ chung
2	Sở Văn hóa thể thao du lịch: Sửa chữa khu nhà ăn ở, tập luyện của các VĐV tại Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh; Thuê địa điểm ăn ở, di chuyển... của các vận động viên trong thời gian thi công sửa chữa khu ăn ở, tập luyện; Mua sắm cơ sở vật chất khu ăn ở, tập luyện	10.226.000	Thể thao	Nhiệm vụ chung
3	Công an tỉnh	5.298.000	An ninh	Nhiệm vụ chung
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến người cao tuổi trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giai đoạn 2016-2021	298.000	An ninh	Nhiệm vụ chung
-	Kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ năm 2022	5.000.000	An ninh	Nhiệm vụ chung
4	Sở Giáo dục và đào tạo - Kinh phí hợp đồng lao động giáo viên (Theo Nghị quyết số 138/NQ-HĐND)	2.651.772	SNGD	Nhiệm vụ chung
<b>II</b>	<b>Nguồn điều chỉnh</b>	<b>28.502.774</b>		
1	Sở Lao động Thương binh và Xã hội - Sửa chữa tường rào Cơ sở cai nghiện ma túy	404.435	ĐBXH	Nguồn điều chỉnh



STT	Đơn vị/Nội dung	Số tiền	Nguồn KP	Ghi chú
2	Sở Giao thông và Vận tải - Kinh phí trợ giá hoạt động các tuyến xe buýt nội tỉnh năm 2022	10.851.033	SNKT	Nguồn điều chỉnh
3	Sở Tư pháp - Cơ sở vật chất phục vụ phiên tòa trực tuyến	666.358	QLHC	Nguồn điều chỉnh
4	Sở Y tế - Bổ sung kinh phí do nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội hàng tháng đối với bệnh nhân phong điều trị tập trung tại BV Da liễu	524.000	ĐBXH	Nguồn điều chỉnh
5	Sở Thông tin và truyền thông - Bổ sung kinh phí do được giao tăng 01 hợp đồng theo Nghị định số 68	25.300	QLHC	Nguồn điều chỉnh
6	Đài phát thanh truyền hình tỉnh - 'Kinh phí đề ghi hình đối thoại với doanh nghiệp, HTX; làm phim tài liệu về tình hình KTXH tỉnh năm 2021 và 03 tháng đầu năm 2022	49.000	PTTH	Nguồn điều chỉnh
7	Tinh đoàn Thanh niên - Phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, chi trả cho các cấp bộ đoàn các cấp, liên quan đến hoạt động cho vay hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp	774.571	QLHC	Nguồn điều chỉnh
8	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh - Phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Liên hiệp HPN các cấp liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NSDP ủy thác qua NHCSXH (Đề án phụ nữ khởi nghiệp)	627.377	QLHC	Nguồn điều chỉnh
9	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh - Kinh phí giải thưởng văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh lần thứ hai, giai đoạn 2017-2022	1.295.000	SNVH	Nguồn điều chỉnh
10	Trung tâm Hành chính công tỉnh - Bổ sung kinh phí do được giao tăng 01 viên chức	138.700	QLHC	Nguồn điều chỉnh
11	Văn phòng Ban An toàn giao thông - Bổ sung kinh phí do được giao tăng 03 công chức	422.000	QLHC	Nguồn điều chỉnh
12	Hội Kiều học Việt Nam tỉnh Bắc Ninh: Kinh phí hỗ trợ dự Đại hội lần thứ 3 Hội Kiều học Việt Nam tổ chức tại Hà Tĩnh	44.000	Chi khác	Nguồn điều chỉnh
13	Tòa án nhân dân tỉnh: Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến	12.681.000	Chi khác	Nguồn điều chỉnh

*Handwritten signature*

STT	Đơn vị/Nội dung	Số tiền	Nguồn KP	Ghi chú
B	Bổ sung mục tiêu cho các huyện, thành phố	187.866.689		Chi tiết theo phụ lục 05
C	Bổ sung nguồn CCTL cấp tỉnh (thực hiện kiến nghị của KTNN năm 2022)	31.500.000		Nguồn điều chỉnh
D	Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính (thực hiện kiến nghị của KTNN năm 2022)	32.000.000		Nguồn điều chỉnh
E	Nộp trả NSTW	116.859		
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	110.000	SNKT	Nguồn điều chỉnh
-	Vốn đầu tư phát triển (Thực hiện kiến nghị của KTNN năm 2022)	6.859	SNKT	Nguồn điều chỉnh

*Handwritten signature*

## TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng	Bắc Ninh	Tiền Du	Lương Tài	Quê Võ	Thuận Thành	Yên Phong	Từ Sơn	Gia Bình	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>187.867</b>	<b>51.453</b>	<b>21.425</b>	<b>15.559</b>	<b>23.687</b>	<b>18.876</b>	<b>21.006</b>	<b>20.855</b>	<b>14.227</b>		
<b>A</b>	<b>Bổ sung kinh phí từ nguồn chi nhiệm vụ chung</b>	<b>184.690</b>	<b>51.453</b>	<b>18.630</b>	<b>15.559</b>	<b>23.314</b>	<b>18.876</b>	<b>21.006</b>	<b>20.846</b>	<b>14.227</b>		
<b>I</b>	<b>Bổ sung từ nguồn điều chỉnh</b>	<b>70.435</b>	<b>8.352</b>	<b>7.788</b>	<b>8.982</b>	<b>10.581</b>	<b>10.269</b>	<b>7.663</b>	<b>9.204</b>	<b>6.817</b>		
1	Kinh phí phong tặng danh hiệu Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bắc Ninh lần thứ Ba năm	1.168	448	365	10	10	115	156	63		SNVH	Nguồn điều chỉnh
2	Kinh phí thực hiện chỉnh sách cho Công an xã, thị trấn bán chuyên trách, bảo vệ tổ dân phố và tổ dân phòng tự quản khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ( Theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND)	56.782	6.938	6.094	7.881	9.458	8.506	6.637	5.323	5.945	An ninh	Nguồn điều chỉnh
3	Kinh phí chi trả trợ cấp tăng thêm do điều chỉnh mức chi hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc (Theo Thông tư số 02/TT-BNV ngày 29/1/2022)	6.308	519	721	1.073	1.041	1.038	727	469	720	QLHC	Nguồn điều chỉnh
4	Kinh phí trợ cấp 1 lần cho công an xã nghỉ việc( Theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 7/9/2009)	114				59				55	An ninh	Nguồn điều chỉnh
5	Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp khi thời công tác Hội cựu chiến binh	358				13			249	97	ĐBXH	Nguồn điều chỉnh
6	Kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng cho nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	1.267	447	608	17			143	52		SNVH	Nguồn điều chỉnh
8	Cúm gia cầm	611					611				SNKT	Nguồn điều chỉnh
9	Kinh phí nâng loại phương từ loại 2 lên loại 1	2.700							2.700		QLHC	Nguồn điều chỉnh
10	Hỗ trợ cán bộ nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP	168							168		QLHC	Nguồn điều chỉnh
11	Chương trình lưu diễn phục vụ công nhân và nhân dân tại Hội diễn " Tiếng hát công nhân, người lao động năm 2022"	181							181		QLHC	Nguồn điều chỉnh

ph

TT	Nội dung	Tổng	Bắc Ninh	Tiền Du	Lương Tài	Quế Võ	Thụận Thành	Yên Phong	Từ Sơn	Gia Bình	Nguồn kinh phí	Ghi chú
12	Kinh phí tổ chức triển lãm "Lịch sử Bắc Ninh qua di sản tư liệu thế giới"	778					386		392		QLHC	Nguồn điều chỉnh
<b>II</b>	<b>Bổ sung từ nguồn bố trí trong chi nhiệm vụ chung trong dự toán đầu năm 2022</b>	<b>114.255</b>	<b>43.101</b>	<b>10.842</b>	<b>6.577</b>	<b>12.733</b>	<b>8.607</b>	<b>13.343</b>	<b>11.642</b>	<b>7.410</b>		
1	Hỗ trợ kinh phí hợp đồng lao động giáo viên cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và nhân viên nấu ăn các cơ sở giáo dục mầm non công lập năm học 2022-2023 (Theo Nghị quyết số 138/NQ-HĐND)	84.210	13.101	10.842	6.532	12.733	8.607	13.343	11.642	7.410	SNGD	Nguồn nhiệm vụ chung đầu năm
2	Chi sự nghiệp giáo dục (đặc thù thành phố)	30.000	30.000								SNGD	Nguồn nhiệm vụ chung đầu năm
3	Kinh phí thu hút nhân tài	45			45						SNGD	Nguồn nhiệm vụ chung đầu năm
<b>B</b>	<b>Bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách</b>	<b>3.177</b>	<b>0</b>	<b>2.796</b>	<b>0</b>	<b>373</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>0</b>		
1	Hỗ tiền thuế nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg của Chính phủ	3.177		2.796		373			9		Dự phòng	

*Handwritten signature*